

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-PT

Ngày 22 - 01 - 2019

V/v ly hôn giữa ông D và bà D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Thái Hà

2. Bà Lương Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 52/2018/HNGĐ-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2019/QĐ - PT ngày 07/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1959

2. Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1962

Đều cư trú tại: Số nhà 327, đường T, tổ 30, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị D

(Ông D và bà D có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Ông D và bà D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 03/02/1986. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống từ trong cách sinh hoạt đến cách ứng xử với nhau, bà D luôn nghi ngờ, ghen tuông vô cớ vì cho rằng ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng ông D khẳng định không có việc ông D ngoại tình, ông D giải thích nhiều lần nhưng bà D không nghe. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, bất hòa, đánh cãi nhau, đập phá đồ đạc trong gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc từ năm 2016, ông D sống ly thân với bà D. Năm 2017, ông D đã khởi kiện xin ly hôn bà D tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình nhưng sau đó ông lại rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn. Tuy nhiên, sau đó tình trạng mâu thuẫn của ông D với bà D không cải thiện mà ngày càng căng thẳng hơn và vẫn sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa nên ông D đề nghị được ly hôn bà D.

Về con chung: Ông D và bà D có hai con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 07/11/1986 và Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/10/1995. Các con chung của ông bà đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản: Ông D và bà D tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông D và bà D không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn bà D trình bày phù hợp với lời khai của ông D. Tuy nhiên, bà D không đồng ý với lời khai của ông D về những mâu thuẫn mà ông D trình bày cũng như những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Bà D cho rằng, vợ chồng bà cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng là những mâu thuẫn nhỏ. Bà D cho rằng nguyên nhân dẫn đến những mâu thuẫn của vợ chồng là do ông D ngoại tình, tự bỏ nhà đi, không quan tâm, chăm sóc đến vợ và các con. Mặc dù vậy, bà D vẫn bỏ qua mọi lỗi lầm của ông D để vợ chồng cùng chung sống nuôi dạy con cái nhưng ông D không thay đổi. Tháng 10/2017, ông D nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó lại rút đơn về nhưng

kể từ khi rút đơn, ông D vẫn thường xuyên không về nhà. Tuy nhiên, bà D cho rằng, do vợ chồng bà đã nhiều tuổi, con thứ hai còn đang học hành dang dở nên bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm lo cho con cái.

Về con chung: Bà D xác nhận vợ chồng có 02 con chung như ông D đã khai. Hai con đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản: Bà D và ông D chưa thỏa thuận chia tài sản chung nhưng bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Bà và ông D không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 52/2018/HNGD-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn D được ly hôn bà Trần Thị D.
2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2018, bà Trần Thị D kháng cáo đề nghị Tòa án bác đơn ly hôn của ông Nguyễn Văn D để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái và phân chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin bác đơn ly hôn của ông D và trình bày: Giữa bà và ông D không có mâu thuẫn gì lớn, cuộc sống vợ chồng không có gì căng thẳng. Nguyên nhân mà ông D kiên quyết xin ly hôn bà là do ông D ngoại tình nhưng bà vẫn tha thứ và mong muốn ông D quay trở về với gia đình. Bởi, hiện nay con thứ hai của ông bà đang học năm cuối đại học nên bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo công việc, vun đắp gia đình riêng cho cháu. Nếu sau đó ông D vẫn muốn ly hôn thì bà sẽ chấp nhận thuận tình ly hôn với ông D. Đối với vấn đề tài sản: Bà D đề nghị, bà và ông D tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông D không đồng ý với yêu cầu bác đơn ly hôn của bà D vì ông cho rằng, vấn đề xin ly hôn giữa ông và bà là để giải quyết quan hệ vợ chồng vì tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Còn bản thân ông là một

người cha sẽ luôn có trách nhiệm quan tâm, chăm lo cho con cái.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị D làm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà D thấy: Trên thực tế tình trạng hôn nhân của ông D và bà D đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thời gian mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và đã trầm trọng. Thể hiện bằng việc ông D và bà D đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay, đồng thời, tháng 10/2017, ông D đã nộp đơn lên Tòa án để giải quyết quan hệ hôn nhân vì hôn nhân của ông bà quá căng thẳng, không có hạnh phúc. Tuy rằng sau đó ông D rút đơn nhưng mối quan hệ của ông D và bà D vẫn không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn dẫn đến việc ông D lại làm đơn xin ly hôn với bà D lần thứ hai. Việc bà D kháng cáo đề nghị Tòa án bác đơn xin ly hôn của ông để vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc, nuôi dưỡng, lo công ăn việc làm và lập gia đình riêng cho con chung là lý do không có tính thuyết phục, bởi con chung của ông bà là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/10/1995 đã thành niên, không có khiếm khuyết về thể chất và tâm thần nên không buộc cha mẹ phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, việc chấm dứt quan hệ hôn nhân của ông D và bà D không làm chấm dứt quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung. Tại phiên tòa, bà D không yêu cầu Tòa án xem xét về việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng nên không đặt ra giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà D không được chấp nhận, nên bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị D.
2. Giữ nguyên bản án số 52/2018/HNGĐ-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về quan hệ hôn nhân. Xử cho ông Nguyễn Văn D được ly hôn bà Trần Thị D.
3. Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà D đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0007329 ngày 15/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thành án phí.
4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND thành phố Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà